

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HSST

Ngày: 20 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Bá Sơn;

Ông Hoàng Cao Tản;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: Trương Doãn Tùng; Sinh năm: 1984 Giới tính: Nam

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Tự do.

Nguyên quán: phường T, TP N, tỉnh Nam Định

Nơi thường trú: 26 S, phường N, TP N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: 8/5/7/85 T, phường C, TP N, tỉnh Nam Định

Tiền án, tiền sự: Không

Con ông: Trương Doãn D - Sinh năm: 1959

Con bà: Trần Thị H - Sinh năm: 1958

Vợ: Ngô Thị V - Sinh năm: 1984

Con: Trương Việt A - Sinh năm: 2009

Con: Trương Thị Tường V1 - Sinh năm 2013

Gia đình có 2 anh em bị can là con thứ nhất.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/8/2024 tại trại tạm giam Công an tỉnh N, sau đó đến ngày 6/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh.

Người làm chứng: anh Phạm Hùng C, sinh năm 1969;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thông qua mối quan hệ với anh Trần Việt H1 (sinh năm: 1976, trú tại: C N, phường N, TP ., tỉnh Nam Định); Trương Doãn T chơi với ông Phạm Hùng C sinh năm: 1969, trú tại: I S, phường N, TP N. Khoảng giữa tháng 10/2020, T đến nhà ông C để vay tiền, T nói cho ông C biết việc T đang nợ tiền của người khác, muốn vay ông C số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ và không hẹn ngày trả tiền gốc. Ông C đồng ý và thỏa thuận mức lãi suất hàng tháng T phải trả là 8.500.000 đồng/01 tháng (tương đương với mức lãi suất khoảng gần 1.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày). Ông C hẹn hôm sau T đến nhà ông C để nhận tiền. Tối ngày hôm sau, ông C giao cho T số tiền mặt 100.000.000 đồng tại nhà ông C. Sau đó, khoảng 02 - 03 ngày, ông C tiếp tục đưa cho T vay số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu T viết “*giấy biên nhận*” vay số tiền 300.000.000 đồng, trên giấy biên nhận phải có cả chữ ký của vợ T là chị Ngô Thị V SN 1984. Do không muốn chị V biết T đi vay tiền để trả nợ nên T không viết giấy và nói: “*Vâng, em viết giấy cho anh sau*”. Sau đó, T đã nảy sinh ra ý định làm giả một Giấy chuyển nhượng nhà đất đưa cho ông C giữ để làm tin và dùng tài sản là ki ốt số C S, phường T, TP N của bố vợ là ông Ngô Bá H2 (sinh năm: 1953, trú tại: C S, phường T, TP N, tỉnh Nam Định) để làm tài sản thế chấp.

Khoảng 15 giờ, sau hôm vay tiền khoảng 2 ngày, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia – Rio đến cửa hàng phô tô, in màu ở mặt đường G thuộc phường V, TP N. Khi đi, T mang theo 01 bản sao sổ hộ khẩu nhà T đã được công chứng tại Văn phòng C1 vào ngày 09/7/2020 có dấu tròn của văn phòng công chứng và chữ ký của công chứng viên Nguyễn Thế P. Do thời gian đã lâu nên T không nhớ tên cửa hàng phô tô, in màu đó T chỉ nhớ đó là một trong các nhà từ số 574, 576, 578, 580, 582, 584 đường G, hiện tại cửa hàng đó không còn hoạt động kinh doanh. Tại đây, T gặp một người phụ nữ khoảng 40 tuổi (T không biết người phụ nữ đó là chủ hay người làm thuê) và đưa cho người phụ nữ này bản sao sổ hộ khẩu và T nói với người phụ nữ: “Chị làm cho em một giấy chuyển nhượng nhà đất có Scanner con dấu và chữ ký này cho em”. Người phụ nữ nói: “*Anh làm giấy chuyển nhượng nhà đất có S con dấu và chữ ký để làm gì?*”. T trả lời: “*Chị làm giúp cho em để em vay tiền của người ta chứ không phải em dùng để bán nhà*”. Người phụ nữ đồng ý và nói: “*Nếu có ai hỏi thì đừng nói chị làm hộ cho*”. Sau đó, người phụ nữ sử dụng hình dấu tròn “*Văn phòng C1*” và chữ ký “*Công chứng viên Nguyễn Thế P*” nêu trên cho vào máy S để lấy hình ảnh và chỉnh sửa màu trên máy tính để cho màu tươi đậm giống với bản gốc; tiếp theo người phụ nữ đó in hình ảnh dấu tròn “*Văn phòng C1*” và hình ảnh chữ ký “*Công chứng viên Nguyễn Thế P*” ra vị trí gần cuối của 01 tờ giấy trắng khổ

giấy A4. Sau đó, T đọc nội dung cho người phụ nữ soạn thảo một 01 File Word gồm hai trang cụ thể:

Trang 1 Tùng đọc nội dung: “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Độc lập tự do hạnh phúc. Giấy chuyển nhượng. Tên tôi là Trương Doãn T, CMND 162483347, ngày cấp 20/4/2015, nơi cấp Công an N; vợ tôi là Ngô Thị V, CMND 162598927, ngày cấp 03/9/2015, nơi cấp Công an N. Hộ khẩu thường trú: số nhà B đường S, p. T, TP N. Trước đây, hai vợ chồng tôi có mua lại một gian Kiot ở khu chuyển đổi ngành nghề HTX T2, nay là số nhà C S, P. T, TP N với diện tích 64m², ngang 4m, sâu 16m, hiện trạng nhà cấp 4 cũ. Nay chúng tôi không có nhu cầu sử dụng nên đồng ý thông nhất chuyển nhượng lại cho anh Phạm Hùng C, CMND số 035069002556, ngày cấp 04/12/2019, nơi cấp Cục Cảnh sát. Với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn). Căn nhà hiện tại của chúng tôi nằm trên diện tích đất khu chuyển đổi ngành nghề HTX T2 nên chưa được cấp sổ đỏ nên giao dịch hai bên chỉ có giấy tờ viết tay. Tôi xin cam đoan ki ốt số C S, P. T, TP N là hợp pháp của vợ chồng tôi. Chúng tôi có quyền chuyển nhượng và cho tặng. Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Dưới cùng soạn thảo nội dung: Nam Định ngày 19 tháng 10 năm 2020”.*

T1 2 T đọc nội dung: “*BÊN CHUYỂN NHƯỢNG*”, “*BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG*” và “*XÁC NHẬN*”; tiếp theo T bảo người phụ nữ căn chỉnh mục “*BÊN CHUYỂN NHƯỢNG*” và “*BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG*” lên trên đầu trang; căn chỉnh mục “*XÁC NHẬN*” ở giữa trang sao cho khi in ra hình ảnh dấu tròn “*Văn phòng CI*” và hình ảnh chữ ký “*Công chứng viên Nguyễn Thế P*” ở bên dưới của trang giấy và cách mục “*XÁC NHẬN*” khoảng 10cm. Người phụ nữ dùng khổ giấy A4 đã có hình dấu tròn “*Văn phòng CI*” và chữ ký “*Công chứng viên Nguyễn Thế P*” được làm giả bằng phương pháp in màu nêu trên vào máy in. Mặt trước khổ giấy A4 là giấy trắng thì in trang 1 File Word nêu trên, mặt sau khổ giấy A4 thì in trang 2 File Word nêu trên. Người phụ nữ đưa cho T Giấy chuyển nhượng, T trả cho người phụ nữ đó số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

Sau đó, T đi ra xe ô tô ngồi vào ghế lái dùng một bút mực màu tím để ký và viết ghi rõ họ và tên (Trương Doãn T) vào bên dưới mục “*BÊN CHUYỂN NHƯỢNG*”; bên dưới T tự ký và viết ghi rõ họ và tên Ngô Thị V. Bên dưới mục “*XÁC NHẬN*” T dùng 01 bút khác, loại bút bi mực màu xanh và viết nội dung: “*Văn phòng công chứng N Ban xác nhận việc chuyển hợp đồng và chuyển nhượng giữa anh T, chị V cho anh C ki ốt số 36 Đ. Song Hào. P. Trần Quang K. TP . là đúng theo quy định và hợp pháp*”. Viết xong T điều khiển xe ô tô đi về nhà.

Ngày 19/10/2020, T đến nhà ông C và đưa cho ông C 01 bản sao công chứng Sổ hộ khẩu, Giấy chuyển nhượng giả nêu trên và nói với ông C: “*Anh cầm giấy tờ này để chứng minh cho việc vợ chồng em vay của anh ba trăm triệu đồng và em không phải viết giấy vay tiền của anh nữa*”. Mục đích T đưa Giấy chuyển nhượng giả nêu trên cho ông C giữ để ông C tin tưởng cho T vay tiền.

Ông C đã tin tưởng T, đồng ý cầm hai tài liệu nêu trên. Từ đó, T trả cho ông C mỗi tháng số tiền lãi 8.500.000 đồng; có lần thì T trả bằng tiền mặt, có lần trả bằng hình thức chuyển khoản. T sử dụng số tài khoản 2980119699999 mở tại Ngân hàng M chuyển tiền lãi cho ông C vào số tài khoản 103000743114 và số tài khoản 108819695678 của ông C đều mở tại Ngân hàng TMCP C2.

Từ khoảng tháng 3/2021 đến tháng 12/2021 T còn nhiều lần vay tiền của ông C (không có giấy biên nhận). Đến khoảng cuối 12/2021, do không có tiền để trả tiền gốc và tiền lãi cho ông C, T đi vào thành phố Hồ Chí Minh vay tiền để trả cho ông C nhưng không vay được. Từ ngày 12/01/2022 đến 27/8/2022 vợ T là chị Ngô Thị V sử dụng số tài khoản của mình chuyển vào số tài khoản của ông C 3 lần với tổng số tiền 300.000.000đ để trả nợ cho T. Theo lời khai của ông C thì ngoài số tiền T vay 300.000.000đ nêu trên, T còn vay và nợ ông C 950.000.000đ, nhưng T chỉ thừa nhận còn nợ ông C 250.000.000đ.

Do T không trả tiền nên ông Phạm Hùng C đã làm đơn tố cáo Trương Doãn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 950.000.000đ và giao nộp cho Cơ quan điều tra “*Giấy chuyển nhượng*” T đưa để thế chấp vay 300.000.000đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu trên “*Giấy chuyển nhượng*” này.

Tại bản kết luận giám định số 1411/KL – KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh N kết luận (BL 89 -90):

- Chữ ký, chữ viết bên dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG” và chữ viết dưới mục “XÁC NHẬN” trên mẫu cần giám định trừ chữ ký đứng tên Ngô Thị V dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG” so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Doãn T trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Ngô Thị V dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG” trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Doãn T trên mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Hình dấu “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGỌC BAN” trên mẫu cần giám định so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thế P trên mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thế P trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGỌC BAN” và chữ ký đứng tên Nguyễn Thế P trên mẫu cần giám định không phải là hình dấu đóng, chữ ký trực tiếp. Hình dấu “VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGỌC BAN” và chữ ký đứng tên Nguyễn Thế P trên mẫu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản Kết luận giám định số 1281/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký đứng tên Ngô Thị V dưới mục “*Bên chuyển nhượng*” trên mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Ngô Thị V trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Tại cơ quan điều tra: Công chứng viên Nguyễn Thế P xác nhận: Đối với giấy chuyển nhượng đất tại địa chỉ số C S, phường T, TP N, tỉnh Nam Định không phải do anh ký chứng thực vì mẫu chuyển nhượng đó không đúng với mẫu Hợp đồng chuyển nhượng đất, tài sản gắn liền với đất, bên nhận chuyển nhượng không có người ký, lời chứng trong giấy chuyển nhượng không đúng, không có sổ công chứng, không có thời gian công chứng.

Quá trình điều tra, xác minh: Ông Bùi Ngọc B – trưởng phòng C3 xác định: Giấy chuyển nhượng đất tại địa chỉ số C S, phường T, TP N, tỉnh Nam Định không phải hợp đồng do văn phòng C1 chứng thực vì không đúng với mẫu chuyển nhượng đất, không có sổ chứng thực, không có chữ ký của bên nhận chuyển nhượng, lời chứng viết sai lỗi chính tả.

Tại cơ quan điều tra Trương Doãn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

**** Về thu giữ, xử lý vật chứng: lưu hồ sơ vụ án***

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông Phạm Hùng C 01 bản chính Giấy chuyển nhượng đề ngày 19/10/2020. Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ truy tố, xét xử.

Người làm chứng trình bày hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như bản cáo trạng của viện kiểm sát và lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Viện kiểm sát tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Doãn T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tuyên bố Trương Doãn T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, Xử phạt bị cáo Trương Doãn T 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đến 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương

Doãn T và những người tham gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tội danh và Điều luật áp dụng: Căn cứ lời khai của bị cáo, người làm chứng, Bản Kết luận giám định số 1411/KL-KTHS ngày 29/9/2023; bản Kết luận giám định số 1281/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N; vật chứng của vụ án đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian giữa tháng 10/2020, do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân; Trương Doãn T đã thuê người làm giả 01 “*Giấy chuyển nhượng*” 01 gian ki ốt tại khu chuyển đổi ngành nghề hợp tác xã T2 bằng phương pháp in màu trên máy in trên khổ giấy A4 có hình dấu tròn “Văn phòng C1” và chữ ký Công chứng viên Nguyễn Thế P; Sau đó T hoàn thiện việc làm giả bằng cách đã trực tiếp ký và ghi rõ họ và tên: Trương Doãn T và Ngô Thị V vào dưới mục “BÊN CHUYỂN NHƯỢNG” và bên dưới mục “XÁC NHẬN” T tự viết nội dung lời chứng của công chứng viên Nguyễn Thế P của Văn phòng C4 Ban địa chỉ số H Đ, phường C, TP N, tỉnh Nam Định. Sau đó T đã sử dụng Giấy chuyển nhượng giả này đưa cho ông Phạm Hùng C SN1969, trú tại I S, phường N, TP N, tỉnh Nam Định để thế chấp vay số tiền 300.000.000đ nhưng không có mục đích chiếm đoạt.

Bị cáo Trương Doãn T là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã thực hiện xâm phạm vào khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo Trương Doãn T đã thực hiện hành vi là làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Số lượng làm và sử dụng tài liệu giả là 01 tài liệu. Tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Trương Doãn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra, bị cáo Trương Doãn T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bổ đề bị cáo là ông Trương Doãn D được bộ trưởng bộ C5 tặng kỷ niệm chương “bảo vệ an ninh tổ quốc” và ông nội bị cáo là ông Trương Doãn H3 được chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì trong thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đối với tội làm giả tài liệu con dấu của cơ quan tổ chức và tội sử dụng tài liệu giả quy định tại khoản 1 Điều

341 Bộ luật hình sự . Đây là tội phạm ít nghiêm trọng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, chấp hành, và tham gia các phong trào của địa phương. Vì vậy cần áp dụng nghị quyết 01 của hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo về tội làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện nguy hiểm cho xã hội, bị cáo làm giấy tờ giả xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức. Xét thấy tội bị cáo phạm tội là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng cải tạo được bị cáo thành công dân tốt nên áp dụng Điều 65 bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Cần ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Đối với tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức xét thấy áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp. Mức phạt tiền xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo đã thực hiện thì thấy xử phạt ở mức đầu khung hình phạt là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con nhỏ. Xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: lưu hồ sơ vụ án

[6] Về án phí Trương Doãn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm truy tố và luận tội bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ tuy nhiên cần đánh giá tội làm giả tài liệu là nguy hiểm hơn để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Còn tội sử dụng tài liệu giả tính chất nguy hiểm thấp hơn để áp dụng hình phạt tiền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Căn cứ Nghị quyết 01/2022/HĐTP ngày 15/04/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Tuyên bố: Trương Doãn T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Trương Doãn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Xử phạt bị cáo Trương Doãn T 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định quản lý giáo dục. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: là giấy chuyển nhượng tài sản giả, lưu hồ sơ vụ án.

3. Án phí: Bị cáo Trương Doãn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Doãn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND p Năng Tĩnh, tp Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Văn Biền
(Đã ký)**